

## TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NHẪM XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG

ThS. Nguyễn Thanh Trọng  
Trường ĐH Kinh tế Luật, ĐH Quốc gia TP.HCM

**Tóm tắt:** Khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN), đặc biệt là các tập đoàn kinh tế (TĐKT), tổng công ty nhà nước (TCTNN), chiếm lĩnh thị trường trong nhiều ngành, lĩnh vực quan trọng, được nhà nước đầu tư vốn và các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Sự hình thành các TĐKT, TCTNN không phải từ quá trình tích tụ và tập trung vốn theo các nguyên tắc của thị trường mà từ quyết định hành chính của nhà nước. Điều này dẫn đến môi trường kinh doanh thiếu tính cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của DNNN không như mong đợi, mà còn tồn tại nhiều bất cập, yếu kém. Để quá trình tái cơ cấu DNNN, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường ở Việt Nam bài viết khuyến nghị cần có sự thay đổi tư duy về vai trò của DNNN, xóa bỏ tình trạng độc quyền kinh doanh và chia tách một số TĐKT, TCTNN kinh doanh trong những lĩnh vực nhà nước không cần thiết phải giữ vai trò chủ đạo.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp nhà nước, tái cơ cấu, cạnh tranh bình đẳng.

### Đặt vấn đề

Tái cơ cấu DNNN là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam. Yêu cầu này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó sự kém hiệu quả của khu vực DNNN trong việc sử dụng các nguồn lực, gây thất thoát vốn của nhà nước và kìm hãm sự phát triển của khu vực tư là những nguyên nhân cơ bản. Do đó tái cơ cấu DNNN phải hướng đến mục tiêu cơ bản là nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng các nguồn lực của quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường. Để đạt được mục tiêu này quá trình tái cơ cấu DNNN cần xác định đúng vai trò của DNNN trong nền kinh tế, gỡ bỏ những rào cản đối với tự do kinh doanh, xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng.

Bài viết nhằm đề xuất những khuyến nghị cho quá trình tái cơ cấu DNNN ở Việt Nam hiện nay với mục tiêu hướng đến là xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng trên

cơ sở đánh giá tổng quan hiệu quả hoạt động của DNNN trong những năm qua và phân tích nguyên nhân, tác động của tình trạng độc quyền, chi phối thị trường của các TĐKT, TCTNN.

### Cơ sở lý thuyết

Nền kinh tế thị trường hiện đại hay mô hình nền kinh tế hỗn hợp là sự kết hợp vai trò của thị trường và vai trò của nhà nước trong giải quyết các vấn đề kinh tế. Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế thông qua đánh thuế, trợ cấp và cung cấp các dịch vụ miễn phí như quốc phòng và an ninh. Nhà nước cũng thực hiện điều tiết mức độ mà các cá nhân có thể mưu cầu về lợi ích (Begg, 2008). Chức năng kinh tế cơ bản của nhà nước là thúc đẩy phân bổ các nguồn lực có hiệu quả, khuyến khích công bằng, ổn định vĩ mô và phát triển. Quản lý nhà nước về kinh tế phải làm cho thị trường vận hành hiệu quả, tránh những can thiệp làm méo mó các quan hệ thị trường (Nguyễn Văn Luân, 2012) và “một trong những kết quả chủ yếu của kinh tế học khẳng

định thị trường cạnh tranh phân bổ các nguồn lực là có hiệu quả” (Samuelson và Nordhalls, 2002, trang 295). Vì vậy, để có được cấu trúc thị trường cạnh tranh đòi hỏi nhà nước phải kiểm soát, ngăn chặn độc quyền và tạo lập được môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể tham gia thị trường.

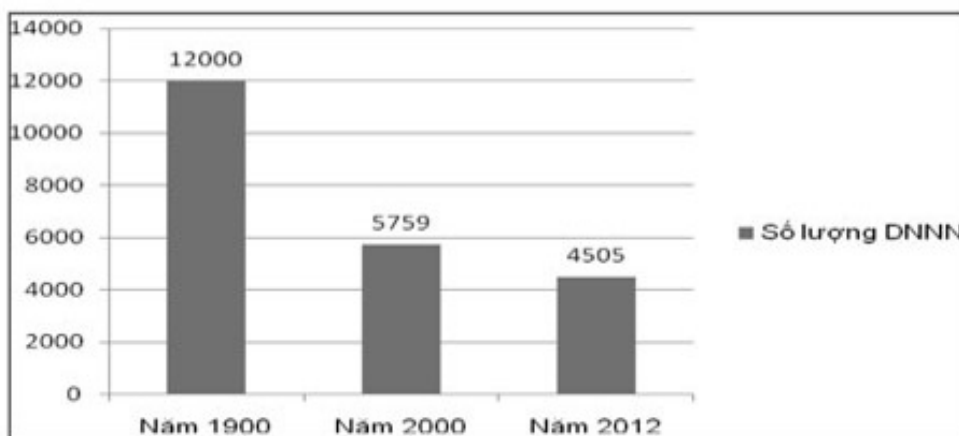
DNNN có lịch sử rất lâu đời, là sản phẩm của sự phát triển xã hội hóa sản xuất. Hầu hết các nước trên thế giới đều tồn tại loại hình DNNN nhưng vai trò, vị trí và tỷ trọng trong nền kinh tế có sự khác nhau giữa các nước tùy thuộc vào quan điểm, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia ở từng giai đoạn phát triển (Huỳnh Đức Lộng, 2007). Theo Luật Doanh nghiệp: “DNNN là doanh nghiệp trong đó nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ”. DNNN được xác định giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nên hiệu quả hoạt động của DNNN luôn nhận được sự quan tâm của các nhà kinh tế, nhà hoạch định chính sách và xã hội. Tuy nhiên cách tiếp cận đánh giá về hiệu quả hoạt động của DNNN cũng có sự khác nhau. Theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/10/2006, hiệu quả của một DNNN được đánh giá thông qua các chỉ tiêu: (i) Doanh thu và thu nhập khác; (ii) Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn nhà nước; (iii) Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn; (iv) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật về

thuế và các khoản thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác; (v) Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả này không chỉ bao gồm các chỉ tiêu kinh tế mà còn bao gồm các chỉ tiêu xã hội và tuân thủ quy định của nhà nước. Bàn về hiệu quả kinh doanh của DNNN, tác giả Huỳnh Đức Lộng (2007) cho rằng: “Không thể phủ nhận sự cần thiết của hiệu quả xã hội, nhưng không thể đánh đồng với hiệu quả kinh tế. Chỉ khi nào đảm bảo hiệu quả kinh tế thì mới có thể tạo ra hiệu quả xã hội. Hiệu quả kinh tế quyết định, là tiền đề vật chất của hiệu quả xã hội. Nếu hiệu quả kinh tế của DNNN giảm, làm cho DNNN mất sức cạnh tranh, thiếu sức sống, trở thành gánh nặng cho nhà nước, lúc này DNNN không thể đạt được mục tiêu xã hội của nó”.

**Tổng quan về tình hình doanh nghiệp nhà nước**

Hệ thống DNNN đã được sắp xếp, đổi mới, từng bước chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường trong quá trình đổi mới nền kinh tế ở Việt Nam. Số lượng DNNN đã giảm đáng kể trong quá trình này, từ hơn 12.000 doanh nghiệp vào đầu những năm 1990 giảm xuống còn 5.759 doanh nghiệp vào năm 2000 và tính đến năm 2012 còn 4.505 doanh nghiệp. Trong số 4.505

**Hình 1: Số lượng DNNN giai đoạn 1990-2012**



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo kết quả điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê (2008-2012) và Nguyễn Thường Lạng (2011)

DNNN hiện nay (bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn nhà nước chiếm 50% trở lên kể cả những công ty cổ phần thành viên có vốn nhà nước chiếm 50% trở lên) có 3.807 doanh nghiệp thực tế đang hoạt động sản xuất kinh doanh (chiếm 84,5%), 26 doanh nghiệp đã đăng ký nhưng chưa hoạt động (chiếm 0,58%), 35 doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất kinh doanh (chiếm 0,82%) và 637 doanh nghiệp chờ giải thể (chiếm 14,1%) (Tổng cục Thống kê, 2012).

Tổng vốn chủ sở hữu của các DNNN tính đến thời điểm cuối năm 2010 là trên 700 nghìn tỷ đồng, trong đó của các tập đoàn, TCTNN là 653 nghìn tỷ đồng. Đa số các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, nhưng vẫn còn 102 doanh nghiệp có vốn dưới 5 tỷ đồng, 08 doanh nghiệp có vốn dưới 1 tỷ đồng (Phạm Việt Muôn, 2012).

Khu vực DNNN được nhà nước đầu tư nguồn lực và có nhiều lợi thế trong kinh doanh, chiếm lĩnh nhiều lĩnh vực then chốt, cung ứng những sản phẩm thiết yếu và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của DNNN, nhất là các TĐKT, TCTNN đã không như mong đợi, tồn tại nhiều bất cập và yếu kém.

Trong giai đoạn 2006-2009, DNNN chiếm 45% tổng đầu tư của khu vực doanh nghiệp, nhưng chỉ đóng góp 28% cho GDP và 19% cho tăng trưởng GDP; 24% việc làm; 20% giá trị sản xuất công nghiệp và 8% tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp (Lê Xuân Bá, 2012). Tỷ suất lợi nhuận trên tổng nguồn vốn của khu vực DNNN luôn thấp hơn mức 6%, trong khi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài luôn duy trì ở mức trên dưới 10%. DNNN phải sử dụng tới 2,2 đồng vốn để tạo ra 1 đồng doanh thu, trong khi đó doanh nghiệp ngoài quốc doanh chỉ cần 1,2 đồng vốn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 1,3 đồng và mức trung bình của toàn bộ doanh nghiệp Việt Nam là 1,5 đồng (Vương Đình Huệ, 2011).

Đặc biệt, một số TĐKT, TCTNN kinh doanh thua lỗ kéo dài, nguy cơ rủi ro mất cân đối tài chính rất lớn. Tính đến cuối năm 2011, tổng số lỗ lũy kế của riêng các TĐKT đã lên tới hơn 26.000 tỷ đồng, cao gấp 12 lần so với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Ngô Nga, 2012). Về tình hình nợ của các TĐKT, TCTNN theo số liệu của Bộ Tài chính tính đến ngày 31/12/2011: tổng số nợ phải trả của TĐKT, TCTNN là 1.292.400 tỷ đồng (tăng 18,9% so với 2010); hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu bình quân năm 2011 là 1,77 lần; có 30 TĐKT, TCTNN có tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu lớn hơn 3 lần, trong đó có 8 tập đoàn, tổng công ty có tỷ lệ trên 10 lần, 10 tập đoàn, tổng công ty từ 5-10 lần, 12 tập đoàn, tổng công ty từ 3-5 lần; tổng nợ phải trả/tổng nguồn vốn tính bình quân là 0,62 lần, tổng tài sản/tổng nợ phải trả tính bình quân là 1,62 lần (Bộ Tài chính, 2012).

Hiệu quả hoạt động, kinh doanh yếu kém của khu vực DNNN hiện nay xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân khách quan là ảnh hưởng từ khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng nguyên nhân chủ quan cơ bản, đó là sự nhận thức về vai trò của DNNN chưa phù hợp với bối cảnh phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường; tình trạng độc quyền, thống lĩnh thị trường của DNNN trong nhiều lĩnh vực đã hạn chế động lực cạnh tranh và phát triển; nhiều TĐKT, TCTNN chưa chú trọng phát triển theo chiều sâu, mở rộng quy mô đầu tư, đầu tư vào những ngành, lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro; năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản trị doanh nghiệp yếu kém, không bắt kịp với xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường...

### **Tình trạng độc quyền, chi phối thị trường của doanh nghiệp nhà nước trước yêu cầu tái cơ cấu**

Năm 1994, Thủ tướng Chính phủ đã ký các Quyết định số 90/TTg và Quyết định số 91/TTg ngày 07/3/1994 về việc thành lập các TCTNN (thường được gọi là các tổng công ty 90 và 91) trên cơ sở tập hợp các DNNN trong cùng một

ngành và sản phẩm được coi là có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế trong phạm vi cả nước hoặc ở những địa phương quan trọng. Việc thành lập các tổng công ty 90 và 91 với mong muốn tạo dựng một công cụ điều tiết thị trường, thực hiện các chính sách xã hội và nâng cao khả năng cạnh tranh của DNNN. Tuy nhiên mục tiêu đặt ra đã không đạt được như mong đợi, vì vậy chủ trương tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp lại DNNN đã được đặt ra trong Nghị quyết Hội nghị TW3 Khóa IX năm 2001 và sau đó là trong các Văn kiện Đại hội Đảng Lần thứ X, Đại hội Đảng Lần thứ XI và Nghị quyết TW3 Khóa XI, trong đó có việc thành lập TĐKT để cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, trở thành những doanh nghiệp có vị trí ở tầm cỡ khu vực. Trong quá trình này, tính đến thời điểm hiện nay đã có 13 TĐKT được thành lập và trong số này cũng đã có hai TĐKT là Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam - VNIC và Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị Việt Nam - HUD được cho ngưng thí điểm, quay về mô hình TCTNN sau hai năm hoạt động theo mô hình TĐKT.

Các TĐKT, TCTNN chiếm vị trí thống lĩnh thị trường ở những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, thể hiện rõ nhất là: Tập đoàn Điện lực Việt Nam - EVN sản xuất và cung ứng 80% thị trường điện, độc quyền hoàn toàn truyền tải và bán điện tiêu dùng; Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin chiếm 98% thị phần trên thị trường than; Tập đoàn Xăng dầu - Petrolimex chiếm gần 60% thị phần nhập khẩu và phân phối xăng dầu; Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - Vicem chiếm trên 50% thị phần xi măng; Tổng Công ty Thép Việt Nam - VNSteel chiếm 35% thị phần thép... (Vương Đình Huệ, 2011).

Các TĐKT, TCTNN không chỉ được nhà nước tạo điều kiện về vốn kinh doanh, giao cho nắm giữ các hạ tầng kỹ thuật của ngành, khai thác các nguồn tài nguyên của quốc gia mà còn được giao cho thực hiện những chương trình, dự án

kinh tế lớn, tham gia thực hiện chức năng kinh tế của nhà nước. Do đó TĐKT, TCTNN không chỉ có sức mạnh thị trường để tạo ra những rào cản kinh tế đối với những doanh nghiệp tiềm năng muốn gia nhập ngành mà còn có thể tác động đến các cơ quan chức năng, bộ chủ quản để đưa ra những chính sách, quyết định có lợi cho doanh nghiệp. Điều này tạo ra sự bất bình đẳng trong hoạt động kinh doanh giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và môi trường kinh doanh thiếu tính cạnh tranh.

Không bị áp lực từ cạnh tranh nên các TĐKT, TCTNN không phải chú trọng đến việc cải tiến kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất và phương thức kinh doanh để giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Điều này không chỉ tác động tiêu cực trong phạm vi ngành mà còn có tác động làm cho mức độ sẵn sàng về công nghệ và tính sáng tạo, khả năng đổi mới trong nền kinh tế cũng bị hạn chế. Tình trạng độc quyền kinh doanh của các TĐKT, TCTNN trong một số ngành, lĩnh vực cũng đã và sẽ làm cho quá trình cải cách thể chế chậm lại so với yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước trong quá trình hội nhập. Sự tồn tại độc quyền hiện nay làm cho một số thị trường trong nước méo mó, kém hiệu quả, làm hạn chế năng lực sản xuất của nền kinh tế và khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong nước.

### Một vài khuyến nghị

**Một là**, cần đặt đúng vai trò của DNNN trong nền kinh tế thị trường khi thực hiện tái cơ cấu DNNN. Trong nền kinh tế thị trường, DNNN được xác định có vai trò chính là tham gia giải quyết các khuyết tật của thị trường bằng cách cung cấp các hàng hóa dịch vụ cần thiết cho xã hội trong những lĩnh vực tư nhân không muốn làm, hoặc không đủ khả năng làm, hoặc không được phép làm vì những lý do quốc phòng, an ninh.

Ở Việt Nam hiện nay, trong nhiều lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, DNNN vẫn chiếm thị phần chi phối và có sức độc quyền cao, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của Chính phủ hoặc

bộ, ngành trung ương, chính quyền địa phương. Tồn tại tình trạng này xuất phát từ quan điểm, mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, DNNN giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế và là công cụ để tham gia điều tiết vĩ mô và thực hiện các chức năng của nhà nước.

Duy trì quan điểm, tư duy phát triển kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo sẽ còn tồn tại sự phân biệt đối xử giữa các DNNN với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác, tạo ra những trở ngại cho sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập. Vì vậy, thay đổi quan điểm coi kinh tế nhà nước, DNNN giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế để đẩy mạnh cải cách, tái cơ cấu DNNN trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế là một yêu cầu khách quan để phát triển kinh tế thị trường, là giải pháp nền tảng để giảm thiểu tình trạng độc quyền kinh doanh của DNNN, tạo môi trường kinh doanh cạnh tranh, nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực của nền kinh tế.

**Hai là**, xác định lại những lĩnh vực nhà nước cần độc quyền và xóa bỏ tình trạng độc quyền kinh doanh của DNNN.

Sau gần 30 năm đổi mới chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường, nhưng đến nay nhà nước vẫn nắm giữ độc quyền kinh doanh ở nhiều lĩnh vực. Trong bối cảnh sự tiến bộ khoa học kỹ thuật và sự lớn mạnh của các doanh nghiệp ở các thành phần kinh tế khác nhau và đặc biệt là lợi ích từ cạnh tranh đối với nền kinh tế, đòi hỏi cần thiết phải xác định lại những lĩnh vực nhà nước cần độc quyền, những lĩnh vực cần tạo sự cạnh tranh để mang lại lợi ích chung cho nền kinh tế khi thực hiện tái cơ cấu DNNN.

Việc xác định lại những lĩnh vực độc quyền được thực hiện trên cơ sở xác định những công đoạn, lĩnh vực cần thiết nhà nước độc quyền, những lĩnh vực, công đoạn không cần thiết duy trì độc quyền; những ngành, lĩnh vực tư nhân có thể làm và muốn làm, những lĩnh vực tư nhân không muốn làm và không có khả

năng làm. Chẳng hạn như đối với thị trường điện, nhà nước chỉ cần độc quyền trong khâu truyền tải điện, những khâu còn lại như sản xuất và phân phối, bán lẻ điện cần khuyến khích sự tham gia đầu tư kinh doanh của các thành phần kinh tế; hay trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu nhà nước chỉ cần độc quyền hoặc chi phối thị trường ở khâu cung cấp dịch vụ bến cảng, kho chứa chuyên dụng phục vụ xuất nhập khẩu cho các doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu nhằm giảm bớt các rào cản gia nhập thị trường, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nhập khẩu, phân phối và bán lẻ xăng, dầu...

Việc xác định lại những lĩnh vực nhà nước cần độc quyền, xóa bỏ độc quyền của DNNN sau khi tái cơ cấu ở những lĩnh vực nhà nước không cần độc quyền sẽ tác động tích cực đến nhiều khía cạnh đối với nền kinh tế Việt Nam, đó là: (i) Tác động nâng cao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp và tăng lợi ích của người tiêu dùng. Thực tế ở Việt Nam và kinh nghiệm của các nước cho thấy nếu không xóa bỏ thế độc quyền trong kinh doanh thì rất khó giải quyết vấn đề phổ biến là kinh doanh kém hiệu quả của DNNN. Vì vậy, chỉ trừ một số lĩnh vực nhất định, nhà nước nên khuyến khích cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế. Việc mở ra sự cạnh tranh và giảm tình trạng độc quyền trong lĩnh vực viễn thông trong thời gian qua đã minh chứng cho thấy xóa bỏ độc quyền kinh doanh của DNNN sẽ làm tăng hiệu quả kinh tế và giảm chi phí sản xuất; (ii) Góp phần cải thiện tình hình tài chính của nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý vĩ mô của Chính phủ. DNNN độc quyền không chỉ ở Việt Nam, mà hầu hết các nước đều nhận được trợ cấp từ Chính phủ và những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nhận được trợ cấp nhiều hơn so với doanh nghiệp làm ăn có lãi (CIEM và UNDP, 2003). Ngày nay, trợ cấp trực tiếp từ ngân sách nhà nước ít được sử dụng, mà thường thông qua các khoản vay, nhưng cho dù trợ cấp được thực hiện dưới hình thức nào đi chăng nữa thì cuối cùng cũng đều lấy từ ngân sách nhà nước (Theo quy định

của Luật Quản lý nợ công thì trong trường hợp doanh nghiệp khó khăn Bộ Tài chính sẽ ứng tiền từ quỹ tích lũy trả nợ để trả nợ thay cho các khoản vay nợ nước ngoài. Các doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn trả dần số tiền được ứng cho quỹ. Theo Bộ Tài chính (2012), tính đến thời điểm hiện nay, quỹ tích lũy trả nợ đang ứng trả thay cho Tổng Công ty Giấy Việt Nam, Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng là các DNNN được Chính phủ bảo lãnh vay và đang gặp khó khăn trong việc trả nợ với tổng số tiền là 109,7 triệu USD), nên việc xóa bỏ độc quyền của những DNNN, cho phép tư nhân đầu tư vào những lĩnh vực nhà nước đang độc quyền sẽ làm giảm gánh nặng trợ cấp về tài chính của nhà nước. Mặt khác, nhà nước có thể tăng được nguồn thu từ thuế do có các doanh nghiệp tham gia vào thị trường và kinh doanh hiệu quả hơn. Gánh nặng trợ cấp cho DNNN giảm, tình hình tài chính tốt hơn, khi đó Chính phủ có điều kiện thuận lợi để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội khác như tăng đầu tư cho y tế, giáo dục, giao thông công cộng...

**Ba là**, tách nhỏ một số TĐKT, TCTNN trong những lĩnh vực nhà nước không cần thiết phải độc quyền. Độc quyền hành chính ở Việt Nam là hệ quả tất yếu của việc duy trì tư duy, cách nhìn nhận không phù hợp về vai trò của DNNN trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường. Hiện tượng “hôn nhân cưỡng ép” để hình thành các tổng công ty 90, 91, các TĐKT đã gây ra những trở ngại lớn cho sự vận hành của cơ chế thị trường, thể chế cạnh tranh, hình thành những doanh nghiệp không cần thiết có vị thế độc quyền hay chi phối thị trường trên một số thị trường trong nước (CIEM và UNDP, 2003). Vì vậy, việc tái cơ cấu DNNN hiện nay cần thực hiện chia tách một số TĐKT, TCTNN đang thống lĩnh thị trường thành các đơn vị nhỏ độc lập nhằm xóa bỏ thế độc quyền, khuyến khích cạnh tranh trên thị trường như: chia tách EVN thành các doanh nghiệp độc lập kinh doanh, cung cấp dịch vụ ở các khâu sản xuất, truyền tải

và bán lẻ điện; chia tách Petrolimex để hình thành các doanh nghiệp độc lập kinh doanh ở các khâu sản xuất, xuất nhập khẩu, dịch vụ kho vận và bán lẻ xăng dầu... Việc chia tách này cần đảm bảo các đơn vị mới có khả năng cạnh tranh với nhau, khu vực tư nhân trong và ngoài nước có khả năng gia nhập thị trường để thúc đẩy cạnh tranh, tránh tình trạng hình thành doanh nghiệp độc quyền ở từng khâu riêng lẻ trong một ngành.

Việc chia tách để kiểm soát và xóa bỏ độc quyền kinh doanh của DNNN trong quá trình thực hiện tái cơ cấu DNNN không dễ thực hiện, vì việc này có sự xung đột lợi ích giữa những cá nhân, tập thể nhận được lợi ích từ độc quyền kinh doanh của DNNN - những cá nhân, tập thể có tiếng nói tác động rất lớn lên quá trình hoạch định chính sách của Chính phủ với lợi ích tổng thể của nền kinh tế. Vì vậy, đòi hỏi Chính phủ cần có quyết tâm cao và đặt lợi ích tổng thể nền kinh tế trên hết khi thực hiện tái cơ cấu DNNN.

### Kết luận

Ở Việt Nam, khu vực DNNN có vai trò quan trọng và được nhà nước xác định giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Với những lợi thế về vốn đầu tư, chiếm lĩnh, chi phối nhiều thị trường quan trọng nhưng khu vực DNNN đã không hoàn thành được vai trò chủ đạo, dẫn dắt sự phát triển của doanh nghiệp nói chung trong nền kinh tế. Vì vậy, tái cơ cấu DNNN là yêu cầu cấp thiết và không chỉ đặt trong mục tiêu làm cho khu vực DNNN lớn mạnh mà cần đặt trong mục tiêu tổng thể của nền kinh tế, tôn trọng các nguyên tắc của thị trường và tạo lập môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Điều này đòi hỏi phải có nhận thức đúng về vai trò của DNNN trong bối cảnh hội nhập và phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường; thực hiện các chính sách, biện pháp điều chỉnh cấu trúc thị trường theo hướng cạnh tranh, giảm thiểu độc quyền nhà nước và xóa bỏ, kiểm soát tình độc quyền, chiếm lĩnh thị trường của DNNN ■

**Tài liệu tham khảo**

1. Begg, D., Fischer, S., & Dornbusch, R. (2008). *Kinh tế học vi mô*. Nhà xuất bản Thống kê.
2. CIEM và UNDP (2003). *Chính sách phát triển kinh tế - kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc, tập 1*. Nhà xuất bản Giao thông Vận tải.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết Hội nghị TW 3 - Khóa IX (2001), Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X (2006), Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI (2011), Nghị quyết Hội nghị TW 3 - Khóa XI (2011)*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=409&idmid=4&ItemID=8718>.
4. Huỳnh Đức Lộng (2007). *Bàn về hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước*. <http://elib.lhu.edu.vn/bitstream/123456789/1489/1/8-98T28.pdf>.
5. Lê Xuân Bá (2012). *Tổng quan về tái cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam. Kỳ yếu Diễn đàn Kinh tế Mùa xuân 2012. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và UNDP tại Việt Nam*.
6. Ngô Nga (2012). *Doanh nghiệp nhà nước: Tái cơ cấu cho lộ trình phát triển mới*. <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/vef/80184/dnnn--tai-co-cau-cho-lo-trinh-phat-trien-moi.html>
7. Nguyễn Thường Lạng (2011). *Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước - gia tăng sự chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*. <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Tai-cau-truc-DNNN--gia-tang-su-chu-dong-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te/201111/102901.vgp>.
8. Nguyễn Văn Luân (2012). *Bàn về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Kỳ yếu Hội thảo khoa học "Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước". Trường Đại học Kinh tế Luật, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh*.
9. Phạm Việt Muôn (2012). *Phương hướng và giải pháp tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2015*. <http://kinhtevadubao.vn/p0c285n11808/phuong-huong-va-giai-phap-tai-co-cau-doanh-nghiep-nha-nuoc-giai-doan-20112015.htm>.
10. Samuelson, P. & Nordhalls, W. (2002). *Kinh tế học tập 1*. Nhà xuất bản Thống kê.
11. Tổng cục Thống kê (2008). *Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra từ năm 2000-2008*.
12. Tổng Cục Thống kê (2012). *Báo cáo kết quả rà soát số lượng doanh nghiệp năm 2012*. <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=12481>.
13. VnEconomy (2012). *Tổng nợ của tập đoàn, tổng công ty nhà nước là bao nhiêu?* <http://doanhnhan.vneconomy.vn/20121115073522550P0C5/tong-no-cua-tap-doan-tong-cong-ty-nha-nuoc-la-bao-nhieu.htm>.
14. Vương Đình Huệ (2011). *Giải pháp chủ yếu nhằm tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước (trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước)*. [http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof\\_vn/TCTDNNN?p\\_page\\_id=48626205&pers\\_id=48624555&item\\_id=50649615&p\\_details=1](http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/TCTDNNN?p_page_id=48626205&pers_id=48624555&item_id=50649615&p_details=1).